



AN TOÀN VỐN CỦA CÁC NHTM - THỰC TRẠNG VIỆT NAM VÀ GIẢI PHÁP CHO VIỆC ÁP DỤNG HIỆP ƯỚC TIÊU CHUẨN VỐN BASEL II & III

✍️ ThS. Nguyễn Đức Trung *

Quy mô vốn tự có là một trong những tiêu chí quan trọng nhất để đánh giá mức độ an toàn trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng theo thông lệ quốc tế. Tại Việt Nam, sự tăng trưởng vốn của ngân hàng luôn được sự quan tâm đặc biệt của các nhà quản trị ngân hàng trong các mục tiêu, chiến lược, kế hoạch thực hiện. Các tổ chức như Cơ quan thanh tra giám sát Ngân hàng, Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia (UBGSTCQG) cũng như Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam luôn đưa ra nhiều cơ chế, chính sách đánh giá năng lực tài chính của ngân hàng, trong đó nhấn mạnh việc tăng vốn tự có để đảm bảo an toàn hệ thống tài chính. Đối với tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (mức đủ vốn tối thiểu), quy định cụ thể có liên quan đầu tiên là Quyết định 297/1999/QĐ-NHNN quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của ngân hàng thương mại (NHTM). Tại quy định này, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu được xác định là 8% nhưng phương pháp tính đơn giản và chưa phản ánh chính xác tình thần

Basel I. Đến năm 2005, NHNN đã ban hành Quyết định 457/2005/QĐ-NHNN với tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu vẫn là 8% nhưng phương pháp tính toán đã tiếp cận tương đối toàn diện Basel I. Năm 2010, NHNN ban hành Thông tư số 13/TT-NHNN thay thế Quyết định 457/2005/QĐ-NHNN, nâng tỷ lệ an toàn tối thiểu lên 9% và phương pháp tính toán đã từng bước tiếp cận Basel II. Như vậy, quản lý Nhà nước đối với mức độ đủ vốn của các NHTM luôn hướng theo chuẩn mực quốc tế. Tuy nhiên, thực trạng việc quản lý an toàn vốn xét cả từ góc độ cơ quan quản lý vĩ mô cũng như từ góc độ quản trị công ty của các NHTM đã cho thấy nhiều tồn tại cần giải quyết để đảm bảo một hệ thống ngân hàng an toàn và lành mạnh.

Bài viết này hướng đến giải quyết 2 vấn đề: (i) Đánh giá thực trạng mức đủ vốn của các NHTM Việt Nam trên cơ sở đối chiếu với chuẩn mực Việt Nam và chuẩn mực quốc tế Basel II & III; (ii) Xây dựng các giải pháp áp dụng Hiệp ước tiêu chuẩn vốn Basel nhằm hướng các NHTM Việt Nam quản lý an toàn vốn theo thông lệ quốc tế.

1. Thực trạng mức đủ vốn của các NHTM Việt Nam trên cơ sở đối chiếu với chuẩn mực Việt Nam và chuẩn mực quốc tế Basel

1.1. Thực trạng mức đủ vốn của các NHTM Việt Nam trên cơ sở đối chiếu với chuẩn mực Việt Nam

Xét trên giác độ quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tình hình thực hiện tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của các ngân hàng Việt Nam có thể chia theo 3 giai đoạn như sau:

(i) Giai đoạn thứ nhất: Áp dụng Quyết định 297/1999/QĐ-NHNN quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của NHTM. Thời kỳ này, khối NHTM Nhà nước không đảm bảo được mức an toàn vốn tối thiểu. Tại thời điểm năm 2000, trước thực trạng tỷ lệ nợ xấu quá cao, có nguy cơ dẫn đến sự phá sản của các NHTM Nhà nước, Chính phủ đã trực tiếp cấp 12.000 tỷ đồng dưới dạng cấp trái phiếu đặc biệt với thời hạn 20 năm để tăng vốn tự có cho 4 NHTM Nhà nước đưa tổng mức vốn tự có của khối này lên mức hơn 18.000 tỷ VND, chiếm 51% vốn tự có của toàn hệ thống. (Xem Bảng 1)

*Học viện Ngân hàng



Bảng 1: Vốn tự có và hệ số CAR (hệ số an toàn vốn) của các NHTM NN thời điểm 31/12/2005

Đơn vị: Tỷ VND

STT	Tên ngân hàng	Tổng TS có	Vốn tự có	CAR (%)
1	VCB	136.721	4.279	7,32
2	Vietinbank	116.373	3.405	5,35
3	BIDV	121.404	3.971	5,51
4	Agribank	179.281	6.411	4,79
5	MHB	12.676	910	8,48

Do thị phần hoạt động của 5 NHTM trên chiếm đến 70-75%; vì vậy, có thể nói sự an toàn trong hoạt động của nhóm ngân hàng này quyết định sự an toàn của toàn bộ hệ thống NHTM Việt Nam. Tuy nhiên, xem xét Bảng 1, chúng ta có thể thấy hầu hết các NHTM NN đều chưa đạt được yêu cầu về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 8% (trừ MHB - Ngân hàng Phát triển Nhà đồng bằng sông Cửu Long). Nếu xét trên toàn bộ hệ thống ngân hàng có thể nhận thấy, trong khi các NHTM NN gặp khó khăn trong việc đạt chuẩn an toàn vốn thì các NHTMCP thời điểm này lại đảm bảo được mức an toàn vốn.

Bảng 2: Bảng tổng hợp vốn tự có của hệ thống NHTM đến 31/12/2005

Đơn vị: Tỷ VND

Các định chế tài chính	Tổng nguồn vốn	Vốn tự có	CAR (%)
Hệ thống NHTM	872.062	44.030	5,5
NHTM Nhà nước	617.786	23.581	4,1
NHTMCP đô thị	156.140	11.198	8,0
NHTMCP nông thôn	3.043	667	24,0
NH liên doanh	13.192	1.522	12
Chi nhánh NH nước ngoài	81.899	7.059	9,2

Mặc dù các NHTM Việt Nam đã nỗ lực và hầu hết các NHTM cổ phần đều đạt được hệ số an toàn vốn trên 8%, song nếu so sánh với cách tính hệ số an toàn của Basel II, tức là mẫu số phải cộng thêm cả vốn dành cho rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động (RRHĐ) thì chắc chắn rất ít NHTM Việt Nam giai đoạn này đạt được tỷ lệ an toàn vốn ở mức trên 8%.

(ii) *Giai đoạn hai: Giai đoạn thực hiện Quyết định 457/2005/QĐ-NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 8%*

Trong giai đoạn này, vốn tự có của các NHTM đã gia tăng nhanh chóng nhờ sự thuận lợi của môi trường kinh doanh cũng như sự bùng nổ của thị trường chứng khoán thời kỳ 2006-2008. Nếu xem xét trên số liệu của các NHTM có quy mô hoạt động lớn trong Bảng 3 có thể nhận thấy nhiều NHTM đạt được yêu cầu về hệ số an toàn vốn 8%.

Bảng 3: Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của một số NHTM

Đơn vị: %

CAR	VCB	CTG	ARG	BIDV	TCB	STB	ACB	EAB
2005	9.57	4.36	0.41	3.36	15.72	15.40	12.10	8.94
2006	12.60	5.18	4.90	5.50	17.28	11.82	10.89	13.57
2007	9.20	11.62	7.20	6.67	14.30	11.07	16.19	14.36
2008	8.90	12.02	7.9	6.50	13.99	12.16	12.44	10.75
2009	7.64	8.06	4.86	7.55	9.6	10.90	9.97	n.a

Nguồn: website NHNN

Bên cạnh đó, làn sóng chuyển đổi từ NHTMCP nông thôn sang NHTMCP đô thị trong giai đoạn này đã khiến cho bức tranh toàn hệ thống ngân hàng về an toàn vốn tồn tại nhiều gam màu xám. Nếu căn cứ theo Nghị định 141/2006/NĐ-CP (ngày 22/11/2006), thì đến cuối năm 2010, các NHTMCP



phải đạt mức vốn pháp định tối thiểu là 3.000 tỷ VND. Một số ngân hàng đã thực hiện tăng mức vốn pháp định theo qui định để đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu. Nhưng còn nhiều ngân hàng vẫn đang trong quá trình triển khai kế hoạch tăng vốn pháp định. Do đó, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của toàn hệ thống ngân hàng có tăng lên, nhưng vẫn chưa đảm bảo mức tăng theo tiêu chuẩn tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu. Vấn đề đáng lưu ý ở giai đoạn này là do tác động của chính sách kích cầu cũng như việc thực hiện nói lỏng tiền tệ của NHNN nên tín dụng tại các NHTM đã tăng đột biến. Điều này dẫn đến hệ lụy tổng tài sản rủi ro của các NHTM tăng lên và kết quả là các NHTM trong nhóm trên đều có xu hướng sụt giảm tỷ lệ an toàn vốn, trong đó, VCB đã tụt xuống dưới mức an toàn tối thiểu 8% trong năm 2009.

(iii) *Giai đoạn 3: Thực hiện đảm bảo an toàn vốn tối thiểu 9% theo tinh thần của Thông tư số 13/2010/TT-NHNN.* Trong giai đoạn này, bức tranh về đảm bảo an toàn vốn là khá phức tạp. Nếu nhìn vào mức tính toán cho toàn hệ thống, hệ thống NHTM Việt Nam đã đảm bảo được hệ số an toàn vốn tối thiểu 9%.

Bảng 4: Tỷ lệ an toàn vốn của toàn ngành Ngân hàng năm 2010 - 2011

	Năm 2010	9/2011
Tỷ lệ an toàn vốn	11,02%	11,92%

Nguồn: UBGSTCQG

Tuy nhiên, tình hình đảm bảo an toàn vốn tối thiểu của các NHTM có xu hướng phân nhóm rõ rệt. Trong các NHTM NN lớn, Agribank và Vietinbank vẫn không thể đạt được quy định về mức an toàn vốn tối thiểu 9% trong năm 2010. Điều này là đáng lo ngại nếu xét trên phương diện rủi ro hệ thống.

Bảng 5: Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của một số NHTM năm 2010

Đơn vị: %

CAR	VCB	CTG	ARG	BIDV	TCB	STB	ACB	EAB
2010	9	8.02	6.09	9.32	13.11	10.32	10.4	10.84

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ các báo cáo thường niên của các NHTM

Đối với khối NHTMCP, các ngân hàng quy mô lớn đều có xu thế đạt được yêu cầu mới của NHNN về tỷ lệ an toàn vốn. Trái lại, các NHTMCP nhỏ thực sự gặp khó khăn trước yêu cầu tăng vốn tự có nhằm đảm bảo an toàn. Cụ thể đến thời điểm 31/6/2011, tỷ lệ CAR của nhiều các ngân hàng cổ phần như ACB, Sacombank, Eximbank, Techcombank, Đông Á, Quân đội... đã đạt trên 9% theo tinh thần của Thông tư số 13/2010/TT-NHNN. Trong khi đó, đến tháng 11/2011, vẫn còn 5 NHTM cổ phần vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu.

Nếu xem xét theo tinh thần Nghị định 141/NĐ-CP ngày 22/11/2006 của Chính phủ thì tính đến thời điểm hết tháng 6 năm 2011, vẫn còn 15 NHTMCP (chiếm tỷ trọng 36,59%) có vốn điều lệ dưới 3.000 tỷ đồng, chủ yếu ở khoảng 2.000 tỷ đồng. Như vậy,

dù giãn tiến độ 1 năm nhưng một số ngân hàng nhỏ của Việt Nam vẫn không thể đạt được các quy định đảm bảo mức vốn pháp định. (Hình 1)

Như vậy, nếu xem xét về hình thức, các NHTM Việt Nam có thể đạt được các chuẩn mực của Basel I với mức an toàn vốn tối thiểu 8%. Tuy nhiên, vấn đề đặc biệt đáng lưu ý là những NHTM có quy mô lớn nhất hệ thống lại không đảm mức an toàn và có thể đe dọa an toàn hệ thống. Ngoài ra, các NHTMCP chuyển từ NHTM nông thôn dường như gặp nhiều khó khăn để đáp ứng yêu cầu an toàn vốn tối thiểu 9%.

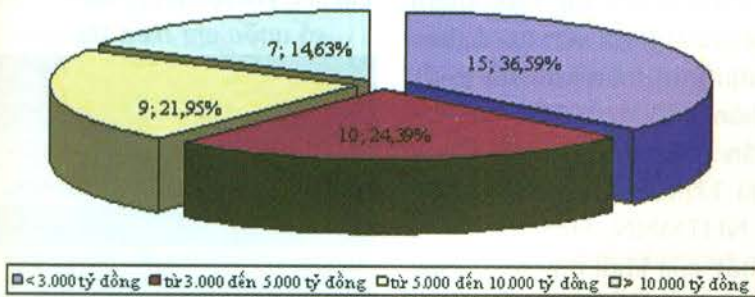
1.2. Thực trạng mức đủ vốn của các NHTM Việt Nam trên cơ sở đối chiếu với chuẩn quốc tế Basel II & III

Căn cứ theo các số liệu được công bố chính thức, hệ số an toàn vốn của toàn hệ thống NHTM đạt ở mức trên 8% (theo Quyết định 457/2005/NHNN) và trên 9% (theo Thông tư 13/2010/TT-NHNN). Tuy nhiên, nếu căn cứ đúng những quy định của Ủy ban Basel về an toàn vốn tối thiểu thì sự an toàn của hệ thống NHTM về vốn cần có những đánh giá lại. (Hình 2)

Thứ nhất, đối với khối NHTMCP, giai đoạn từ năm 2008 đến nay, đã chứng kiến sự mở rộng mạnh mẽ về quy mô tổng tài sản của hệ thống NHTM Việt Nam, đặc biệt là ở nhóm NHTMCP với tốc độ tăng trưởng tổng tài sản trung bình vào khoảng 45%/năm. Tuy nhiên, tốc độ tăng vốn tự có của nhóm NHTMCP lại không theo

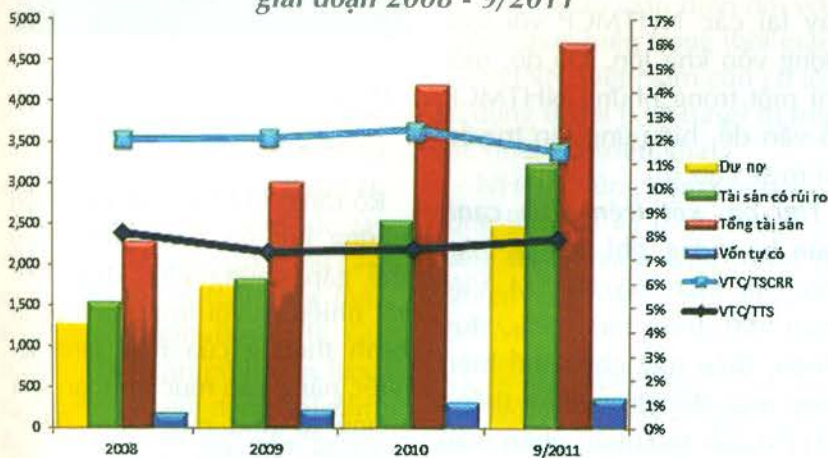


Hình 1: Vốn điều lệ của các NHTM đến 30/6/2011



Nguồn: UBGSTCQG

Hình 2: Các chỉ tiêu tài chính hệ thống ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2008 - 9/2011



Nguồn: UBGSTCQG

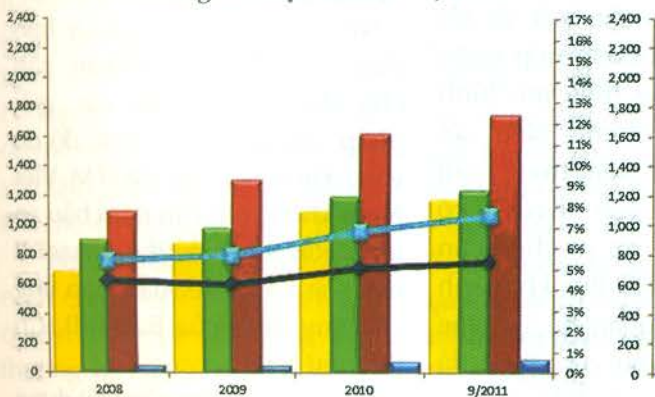
kip tốc độ mở rộng tổng tài sản. Điều đó dẫn đến hiện tượng hệ số an toàn vốn của nhóm ngân hàng này có xu thế giảm, đặc biệt trong năm 2010 và 2011.

Hơn thế, như khuyến nghị của Basel III, trong tình huống hệ số an toàn vốn ổn định nhưng tỷ lệ đòn bẩy tăng cao cũng có thể báo hiệu những rủi ro tiềm

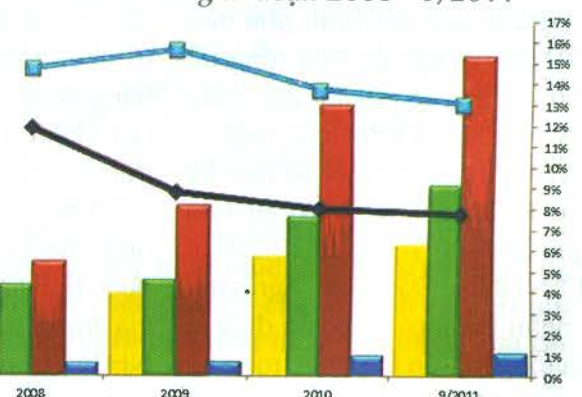
ẩn trong hệ thống NHTM. Đối với khối NHTMCP, xu hướng hệ số đòn bẩy tài chính cao có thể nhận thấy khá rõ. Trên đà tăng như hiện nay (hình 3), khả năng chống đỡ của NHTMCP trước rủi ro là rất đáng lo ngại.

Bên cạnh đó, danh mục tài sản có của các NHTMCP trong giai đoạn 2010-2011 đang có sự thay đổi đáng chú ý: tỷ trọng tiền gửi tại các NHTM và chứng khoán đầu tư tăng lên đáng kể trong khi tỷ trọng tín dụng giảm xuống. Bên cạnh tác động khách quan từ nền kinh tế và hạn mức tăng trưởng tín dụng 20%, việc NHNN yêu cầu các NHTM giảm tín dụng phi sản xuất xuống còn 16% vào cuối năm 2011 có thể đã hạn chế năng lực mở rộng các khoản cho vay đối với các ngân hàng này, đặc biệt là các NHTMCP nhỏ vốn có tỷ lệ dư nợ cho vay kinh doanh bất động sản trên tổng dư nợ ở mức cao. Do thị trường bất động sản đang rơi vào tình trạng trầm lắng, nhiều khoản vay đến hạn không trả được nợ ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động kinh doanh của ngân hàng (ngân hàng buộc

Hình 3: Các chỉ tiêu tài chính của nhóm NHTMNN giai đoạn 2008 - 9/2011



Hình 4: Các chỉ tiêu tài chính của nhóm NHTMCP giai đoạn 2008 - 9/2011



Nguồn: UBGSTCQG



phải chuyển nhóm nợ và trích lập dự phòng rủi ro, tình hình thanh khoản bị suy giảm). Tỷ lệ nợ xấu được NHNN công bố cho toàn ngành Ngân hàng là 3,39%, tương đương với khoảng 20% mức vốn tự có. Tuy nhiên, số liệu nợ xấu chưa phản ánh đúng thực chất RRTD của hệ thống ngân hàng Việt Nam do tiêu chuẩn phân loại nợ cũng như công tác phân loại nợ của các ngân hàng còn nhiều bất cập. Nếu như các ngân hàng phân loại nợ đúng theo chuẩn mực quốc tế và định giá chính xác giá trị tài sản bảo đảm cho các khoản vay (53% là bất động sản) thì chi phí dự phòng rủi ro sẽ tăng lên, và vốn tự có của hệ thống ngân hàng sẽ bị ăn mòn đáng kể. Phân tích trên cho thấy mặc dù hệ số CAR của nhóm NHTMCP cao hơn mức quy định của NHNN nhưng không đồng nghĩa với việc khả năng chống chịu rủi ro của các ngân hàng được bảo đảm.

Thứ hai, đối với nhóm NHTMNN, những năm gần đây, các ngân hàng này đã tiến hành IPO và phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, bán cổ phần cho các tổ chức nước ngoài cũng như nhận được bổ sung vốn góp từ Chính phủ nên tỷ trọng vốn tự có trên tổng tài sản đã tăng lên tương đối. Mặc dù vậy, hệ số CAR của một số ngân hàng trong một số thời kỳ vẫn không đạt mức yêu cầu theo quy định tại Thông tư 13/2010/TT-NHNN. Đặc biệt, Agribank - ngân hàng có mức vốn điều lệ và tổng tài sản lớn nhất trong hệ thống ngân hàng Việt Nam chỉ đạt mức 6,09% vào năm 2010.

Chỉ cần đơn giản tính chênh lệch giữa vốn tự có thực có của khối NHTMNN tại thời điểm tháng 9/2011 với vốn tự có theo quy định an toàn vốn tối thiểu tại Thông tư 13/2010/TT-NHNN thì cần phải bổ sung một lượng vốn là 17.638,756 tỷ VND cho khối NHTMNN. Hơn thế, tỷ lệ đòn bẩy của khối này lại ở mức cao hơn so với khối NHTMCP trong suốt giai đoạn từ 2008 đến nay. Đặc biệt, như trên đã phân tích, khối NHTMNN cho vay lại các NHTMCP với một lượng vốn khá lớn. Do đó, một khi một trong những NHTMCP có vấn đề, hiệu ứng lan truyền rủi ro sẽ cao.

Thứ ba, xét trên khía cạnh toàn hệ thống, chỉ tiêu an toàn vốn của toàn bộ NHTM Việt Nam đạt trên mức 9%. Tuy nhiên, điều này chưa thể hiện được mức đủ vốn của hệ thống NHTM. Bởi thứ nhất, phần mẫu số theo quy định của Thông tư 13/2010/TT-NHNN mới chỉ xác định rủi ro tín dụng chứ chưa tính đến rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động (rủi ro tác nghiệp). Hơn thế, theo khuyến nghị của Basel III, cần nâng mức an toàn vốn tối thiểu 13% để bao gồm cả rủi ro do biến động kinh tế vĩ mô (rủi ro có tính chu kỳ) và rủi ro chéo trong trường hợp ngân hàng hoạt động theo mô hình tập đoàn tài chính. Nếu xét tình huống Việt Nam trong năm 2011 thì cả hai vấn đề rủi ro có tính chu kỳ và rủi ro chéo cần được tính tới. Hơn thế, khi đánh giá trong mối quan hệ với các NHTM trong khu vực, mức độ an toàn vốn của các NHTM Việt Nam ở mức khá thấp

Bảng 6:

Hệ số an toàn vốn hệ thống các TCTD tại Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới

Quốc gia	CAR
Việt Nam	11,85%
TCTD Việt Nam	11,13%
TCTD nước ngoài	28,58%
Trung Quốc	11,8%
Ấn Độ	13,6%
Indonesia	17,6%
Malaysia	16,4%
Pakistan	13,6%
Philippines	16,7%
Thái Lan	15,5%

Nguồn: Định hướng và giải pháp cơ cấu lại hệ thống ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2011 - 2015

Rõ ràng, khi kinh tế xuất hiện những bất ổn, các NHTM có thể gặp những khó khăn hơn rất nhiều so với trong giai đoạn bình thường của nền kinh tế. Việc nâng cao mức an toàn vốn tương tự như một "tấm đệm" giúp các NHTM chống các "cú sốc" từ môi trường kinh doanh biến động.

2. Các giải pháp áp dụng Hiệp ước tiêu chuẩn vốn Basel nhằm hướng các NHTM Việt Nam quản lý an toàn vốn theo thông lệ quốc tế

2.1. Giải pháp tăng trưởng vốn bền vững cho các NHTM

Như khuyến nghị của Ủy ban Basel, các NHTM, tự thân, cần chủ động thực hiện các giải pháp liên quan đến mức độ đủ vốn. Theo đó, các NHTM Việt Nam không chỉ cần đảm bảo an toàn vốn tối thiểu theo Basel II mà còn cần thiết dần đáp ứng các quy định của Basel III. Cụ thể như sau:

- Các ngân hàng cần xây dựng chiến lược tăng vốn đi kèm với



sử dụng vốn hợp lý để đảm bảo sự phát triển vốn bền vững và giảm bị áp lực về cổ tức đối với các cổ đông do tăng vốn một cách ồ ạt nhưng chưa có kế hoạch sử dụng cụ thể, hiệu quả.

- Cần nhắc, chọn lựa cổ đông chiến lược trong và ngoài nước để bán cổ phiếu do phát hành trên cơ sở hợp tác đôi bên cùng có lợi góp phần tận dụng, học hỏi kinh nghiệm quản lý công nghệ... để nâng cao uy tín và thương hiệu ngân hàng. Đặc biệt, các NHTM lớn thuộc nhóm phải áp dụng Basel II và III cần ***lựa chọn các cổ đông chiến lược là các NHTM đã áp dụng các kỹ thuật của Basel II.***

- Cần chuẩn bị tiềm lực tài chính để sẵn sàng áp dụng các quy định về an toàn vốn mới theo quy chuẩn Basel III. Cụ thể, NHTM cần có chiến lược thực hiện các nội dung: ***(i) đảm bảo phát triển đủ vốn tự có thực theo quy chuẩn Basel III; (ii) từng bước hình thành tấm đệm vốn chống rủi ro chu kỳ kinh tế và tấm đệm vốn chống rủi ro hệ thống từ sự liên thông của các thị trường.***

- Bên cạnh phát hành cổ phiếu, kế hoạch tăng vốn cũng nên quan tâm đến vấn đề phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu theo từng lộ trình, vừa tạo cho ngân hàng có nguồn vốn ổn định lâu dài để mở rộng quy mô kinh doanh vừa làm giảm áp lực chi trả cổ tức cho cổ đông.

- Ngân hàng cần có tầm nhìn chiến lược trong cân đối quyền lợi giữa cổ đông lớn thường là HĐQT và cổ đông nhỏ để tạo uy tín và lòng tin của nhà đầu tư.

- Nghiên cứu phương án sáp nhập, mua lại ngân hàng để có thể chủ động khi đóng vai trò là ngân hàng mua lại hoặc ngân hàng được mua lại để có sự chuẩn bị hiệu quả.

- Các NHTM cũng nên ***chú ý vấn đề quản lý đòn bẩy tài chính trong điều kiện kinh tế vĩ mô bất ổn*** như khuyến nghị của Basel III. Theo đó, các NHTM không chỉ xây dựng việc đủ vốn dựa trên hệ số an toàn vốn tối thiểu mà còn tính đến việc tăng vốn phù hợp tốc độ gia tăng tài sản của ngân hàng trong giai đoạn kinh tế ở chu kỳ thịnh vượng.

2.2. Giải pháp cho các cơ quan quản lý Nhà nước trong định hướng áp dụng Basel II & III trong quản lý an toàn vốn tại các NHTM

Để đảm bảo quản lý mức độ đủ vốn thực sự hiệu quả xét trên toàn bộ hệ thống ngân hàng thông qua hệ số CAR, NHNN cần có các giải pháp toàn diện đối với vấn đề này. Cụ thể, các giải pháp có thể thực hiện trong thời gian tới gồm:

- NHNN Việt Nam cần có lộ trình cụ thể về thời gian trong việc áp dụng Basel II và Basel III trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm của các nước đã triển khai.

- NHNN cũng cần xây dựng kế hoạch cụ thể liên quan đến áp dụng Basel II và III theo đó nhấn mạnh đến việc ***phân loại ngân hàng trong triển khai Basel II & III.*** Cụ thể, nên áp dụng kinh nghiệm của Mỹ và Trung Quốc trong việc phân loại thành 3 nhóm NHTM:

Loại ngân hàng	Áp dụng Basel II & III
Quy mô lớn và hoạt động quốc tế	Bắt buộc
Quy mô lớn hoạt động nội địa	Khuyến khích
Quy mô nhỏ	Áp dụng Basel I

- Xác định lại mẫu số của công thức theo hướng tích hợp thêm rủi ro thị trường và RRHĐ theo đúng quy định của Basel II.

- Cần trao quyền cho Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng đúng như khuyến nghị trong trụ cột II của hiệp ước Basel II. Đặc biệt, cho phép Cơ quan thanh tra, giám sát có chính sách và chế tài cụ thể đối với từng NHTM không đáp ứng yêu cầu vốn tối thiểu.

- Thực hiện nghiên cứu mô hình xác định mức độ ảnh hưởng đến thị trường tài chính và nền kinh tế khi một NHTM bị phá sản. Điều này sẽ tạo điều kiện cho việc thực hiện các quyết định của NHNN đối với các NHTM gặp khó khăn về tài chính cũng như không đảm bảo được mức độ an toàn. Mô hình này cần phân biệt rõ mức độ ảnh hưởng của các ngân hàng với quy mô khác nhau tới nền kinh tế và thị trường tài chính.

- Xác định lộ trình áp dụng mức an toàn vốn theo quy chuẩn Basel III thông qua việc: ***(i) quy định mức đủ vốn tự có thực; (ii) quy định về tấm đệm vốn chống rủi ro chu kỳ kinh tế; (iii) quy định tấm đệm vốn chống rủi ro hệ thống từ sự liên thông của các thị trường.***

- Tăng cường giám sát, yêu cầu điều chỉnh các kế hoạch phân phối lợi nhuận của các ngân hàng bảo vệ quyền lợi chính đáng của



cổ đông theo các phương pháp được khuyến nghị trong Basel III.

- Tham gia các kỳ đại hội cổ đông để quan tâm đến các ý kiến của cổ đông, đặc biệt là cổ đông nhỏ để đề nghị bổ sung, chỉnh sửa vào các phương án, kế hoạch tăng vốn, phân phối... để đảm bảo tính khả thi và bảo vệ quyền lợi cổ đông.

2.3. Một số kiến nghị nhằm đảm bảo tính khả thi trong việc áp dụng các chuẩn mực Basel liên quan đến đảm bảo an toàn vốn tại các NHTM

2.3.1- Hoàn thiện Thông tư 13/2010/TT-NHNN

Căn cứ theo những đánh giá trong chương II, Thông tư 13/2010/TT-NHNN cần có những thay đổi để góp phần hướng các NHTM tiếp cận việc quản lý rủi ro theo Basel II và xa hơn là Basel III. Cụ thể như sau:

Thứ nhất là thay đổi cách tính CAR (hệ số an toàn vốn). Theo đó, Thông tư 13 nên đảm bảo phần tính mẫu số của công thức tính CAR với việc cộng cả rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động (rủi ro tác nghiệp).

$$CAR = \frac{\text{Vốn cấp 1} + \text{Vốn cấp 2}}{\text{Tài sản có rủi ro} + \text{Rủi ro thị trường} + \text{Rủi ro tác nghiệp}} \geq 8\%$$

Thứ hai, Basel II đã đưa ra các cách tiếp cận khác nhau cho các ngân hàng có quy mô, đặc điểm khác nhau và các ngân hàng có thể tự lựa chọn cách tiếp cận riêng cho mình; Thông tư 13/2010/TT-NHNN cũng cần xây dựng việc tính mức độ đủ vốn căn cứ theo quy mô và phạm vi hoạt động của các NHTM.

Thứ ba, Thông tư 13/2010/TT-NHNN nên khắc phục những bất cập trong quy định về hệ số rủi ro của các tài sản Có trong công thức tính tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu tại Điều 5.

- NHNN nên xem xét bổ sung vào khoản 5.1 về các tài sản có rủi ro bằng 0, đối với các khoản cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư theo các hợp đồng, trong đó NHTM chỉ hưởng phí ủy thác mà không chịu rủi ro.

- Thông tư 13/2010/TT-NHNN cần phân loại tài sản chi tiết và tính đến sự khác biệt giữa các mức độ rủi ro riêng biệt. Đối với các khoản phải đòi, hệ số rủi ro được xác định dựa trên loại hình tài sản bảo đảm (giấy tờ có giá, bất động sản,...) và đối tượng (Chính quyền trung ương, chính quyền địa phương, công ty trực thuộc, các tổ chức tín dụng khác...), nhưng đồng thời phải chi tiết cho rủi ro theo mức độ tín nhiệm của đối tác hoặc theo đặc điểm của khoản tín dụng.

- Về vấn đề bảo lãnh, trong thực tế, tỷ lệ phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thay cho khách hàng là tương đối thấp trong tổng nghĩa vụ bảo lãnh. Do đó, nên đặt hệ số chuyển đổi nhỏ hơn 100%.

Thứ tư, cần bổ sung quy định về giới hạn liên quan đến đòn bẩy của các NHTM. Theo đó quy định cụ thể **giới hạn Vốn tự có so với Tổng tài sản trong xác định việc đủ vốn tại NHTM**. Điều này sẽ hướng các NHTM tiếp cận được Basel III.

2.3.2. Kiến nghị về lộ trình dự kiến áp dụng Basel II & III tại Việt Nam

Với kinh nghiệm của các nước trong việc áp dụng Basel II và III,

một lộ trình phù hợp với hiện trạng của hệ thống ngân hàng cũng như mức độ phát triển của nền kinh tế là cần thiết để đảm bảo việc áp dụng hiệu quả Basel II. Đồng thời, song song với quá trình này, cũng có thể áp dụng từng bước Basel III bởi Basel III trên thực chất là sự chỉnh sửa và bổ sung một số nội dung của Basel II.

Với hiện trạng hệ thống ngân hàng Việt Nam và tình hình hiện tại của nền kinh tế, một lộ trình phù hợp sẽ diễn ra trong 10 năm từ năm 2012 đến 2021, hệ thống ngân hàng Việt Nam có thể áp dụng toàn diện Basel II và Basel III. Lộ trình cụ thể như sau: (Bảng 7)

Vấn đề đáng lưu ý trong lộ trình trên chính là việc đảm bảo các điều kiện vĩ mô. Lộ trình đảm bảo các điều kiện kinh tế vĩ mô tối thiểu phải kéo dài trong 5 năm. Như vậy, trong 2 năm 2012-2013, NHNN cần hoàn thiện Thông tư 13/2010/TT-NHNN theo các khuyến nghị trong Basel II. Đồng thời, trong 2 năm này, NHNN cần tích cực hoàn thành việc tái cơ cấu hệ thống ngân hàng với mục tiêu nâng cao sức mạnh toàn hệ thống trên cơ sở giảm bớt số lượng ngân hàng. Bên cạnh đó, Chính phủ cần đảm bảo chương trình phục hồi kinh tế trong 2 năm 2012-2013 để tạo điều kiện tốt nhất cho việc áp dụng Basel II từ năm 2014 trở đi. Bên cạnh đó, NHNN ngay trong năm 2013 phải đảm bảo hoàn thành xong Thông tư hướng dẫn việc thực hiện toàn diện Basel II để từ đó có thể áp dụng được từ năm 2014. Song song với quá trình này là giai đoạn 5 năm để hoàn thiện



Bảng 7: Lộ trình gợi ý áp dụng hiệp ước tiêu chuẩn vốn quốc tế Basel

	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
I. Các điều kiện vĩ mô										
1. Hoàn thiện khung pháp lý										
1.1. Hoàn thiện Thông tư 13 /2010/TT-NHNN										
1.2. Xây dựng thông tư mới phù hợp với Basel II										
1.3. Hoàn thiện khung pháp lý về giám sát NH										
1.4. Hoàn thiện pháp lý về minh bạch thông tin										
2. Hoàn thiện mô hình giám sát Ngân hàng										
3. Phát triển hệ thống xếp hạng tín dụng độc lập										
4. Tái cơ cấu hệ thống NH										
5. Phục hồi kinh tế vĩ mô										
6. Phát triển mô hình quản lý rủi ro hệ thống										
II. Các điều kiện vi mô										
1. Phát triển đội ngũ chuyên gia										
2. Đảm bảo an toàn vốn theo Basel II										
3. Đảm bảo an toàn vốn theo Basel III										

mô hình giám sát ngân hàng theo định hướng mô hình giám sát hợp nhất và 3 năm hoàn thiện các quy định liên quan đến minh bạch thông tin đảm bảo kỷ luật thị trường theo tinh thần của Basel II. Đối với phát triển mô hình quản trị rủi ro hệ thống, NHNN cần làm đầu mối để triển khai “Hệ thống cảnh báo sớm” hoặc các phương pháp tương đương để có thể phòng ngừa và hạn chế tối đa rủi ro hệ thống. Công việc này cần thực hiện gấp trong 2 năm từ 2012 đến 2013, đảm bảo Việt Nam có hệ thống phòng ngừa và hạn chế rủi ro hệ thống trước khi chính thức áp dụng Basel II & III.

Như vậy, trên cơ sở đánh giá toàn diện mức độ an toàn vốn của các NHTM Việt Nam trong giai đoạn từ 2001-2012, bài viết đã đưa ra một số giải pháp liên quan đến việc định hướng cho các NHTM Việt Nam áp dụng tiêu chuẩn vốn Basel (cụ thể là Basel II & III), để từ đó có thể chủ động trong quản lý mức đủ vốn của các NHTM. Nghiên cứu này đã **nhấn mạnh được hai hệ thống giải pháp về đảm bảo**

an toàn vốn (hay mức đủ vốn) trên cả hai giác độ: **từ góc độ quản trị của chính các NHTM và từ góc độ của NHNN Việt Nam**. Hiệp ước Basel II và Basel III đều đã nhấn mạnh **“hệ thống ngân hàng một quốc gia sẽ an toàn khi hệ thống các NHTM hoạt động lành mạnh với đủ vốn đồng thời với sự quản lý hiệu quả của các cơ quan quản lý nhà nước về ngân hàng”**.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bernanke, Ben S. 2004. “The Implementation of Basel II: Some Issues for Cross-Border Banking.” Remarks by Governor Ben S. Bernanke at the Institute of International Bankers’ annual breakfast dialogue, Washington, D.C. October 4. www.federalreserve.gov/boarddocs/speeches/2004/20041004/default.htm
2. Chia Der Juin (2006), “Basel II and financial stability - Singapore Experience”, Bank Indonesia seminar on financial stability, 2006.
3. Deloitte Touche Tomashu (2005), “Understanding the

framework - Adopting the Basel II Accord in Asia Pacific”.

4. Fitch Ratings (2010), “Outlook on Vietnamese Banks”.

5. International Convergence of Capital Measurement and Capital Standards - Basel Committee on Banking Supervision, June 2006.

6. Heinz W.Marpmann (2006), “Basel II và quản lý rủi ro”, Kỷ yếu hội thảo khoa học do NHNN Việt Nam và NHTW Hàn Quốc tổ chức.

7. Peter Hayward (2009), Dự án TA 7087 VIE: Hỗ trợ Phát triển Thị trường vốn và Nâng cao Năng lực cho khu vực tài chính: Cơ cấu thanh tra giám sát, ADB Report.

8. Tô Ánh Dương (2006). “Những giải pháp để NHTM Việt Nam tiếp cận và áp dụng hệ thống chuẩn mực đánh giá an toàn ngân hàng theo thỏa ước Basel II”, Đề tài nghiên cứu khoa học Ngành Ngân hàng.

9. Tô Ngọc Hùng (2011), “Hệ thống giám sát tài chính Việt Nam”, NXB Tài chính, Hà Nội, 2011.

10. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2011), “Định hướng và giải pháp cơ cấu lại hệ thống ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2011-2015”.